

1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Công D – Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Đ – Phó Chủ tịch (VBUQ số 132 ngày 10/7/2020); Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Đại D1 – Chủ tịch;

Người đại diện theo uỷ quyền: Trần Văn Tr – Phó chủ tịch; Có mặt.

+ Hội người cao tuổi xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn D; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Phan Thị Nh, sinh năm 1962 (con ông Phan Minh Q);

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện - ông Phan N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phan Minh Th là người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan N trình bày:

Cha mẹ ông N là ông Phan X và bà Huỳnh Thị Đ1 sinh được 5 người con gồm: Phan Thị P1, Phan Thị H1, Phan Văn C1, Phan Minh Q (đều đã chết) và ông Phan N. Sinh thời, gia đình ông Phan X sống tại thôn P, xã T. Năm 1954, ông N tập kết ra miền Bắc học tập và công tác tại cơ quan các bộ, đã lập gia đình và sống tại Hà Nội.

Nguồn gốc đất: Do cha mẹ ông N tạo lập trước 1945, diện tích 6.609,5m² gồm các thửa 298, 624 tờ bản đồ số 24 xã T dùng để trồng hoa màu. Năm 1954, ông N tập kết ra miền Bắc thì gia đình ông ở lại quê nhà vừa lao động sản xuất vừa kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đến năm 1973, cha ông N chết, các thửa đất này sau khi giải phóng miền Nam, em ruột ông là Phan Minh Q và chị dâu ông là bà Hồ Thị Đ2 tiếp tục trồng hoa màu, đến năm 1985 thì mất đất. Cuối năm 1985, ông Phan S1 khi đó là Hội trưởng Bô lão xã T kiêm Phân hội trưởng Phân hội thôn P chỉ đạo và trực tiếp tranh giành đất với ông Phan Minh Q khi ông Q đang cày đất sau khi thu hoạch vụ mùa để trồng vụ mùa tiếp theo. Ông Phan S1 và nhiều cụ bô lão thôn P thực hiện hành vi cưỡng đoạt tranh cướp đất đai mà gia đình ông Q đang trồng hoa màu (thực tế đất này ông Phan Minh Q không đưa vào HTX cũng không phải là đất hoang hóa). Sau đó, ông Phan S1 làm đơn xin đất gửi UBND xã T. Cuối năm 1985 UBND xã T giao đất của gia đình ông N cho Chi hội người cao tuổi thôn P sử dụng để trồng cây

bạch đàn, cây keo. Việc giao đất này có bằng chứng tại Công văn số 1064/UBND của Chủ tịch UBND huyện S ngày 25-5-2017. Năm 2014 ông N về quê tu tạo lại mộ phần của cha mẹ thì được biết đất của cha ông bị Chi hội người cao tuổi thôn P lấy để trồng cây do UBND xã T giao đất. Sau nhiều lần ông N có đơn đề nghị, yêu cầu Chủ tịch UBND xã T kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất trả lại mảnh đất bị thu hồi và giao đất trái thẩm quyền cho gia đình ông nhưng không được giải quyết.

Ngày 24-7-2015 Chủ tịch UBND xã T ban hành Công văn số 02/TLĐ-UBND có nội dung: *“Thửa đất số 298 tờ bản đồ số 24 là một phần diện tích thửa 298/70714m² loại đất LNK, diện tích nêu trên nguyên là của ông Phan X canh tác, sau ngày giải phóng, thửa đất này ông Phan Minh Q - em ông Phan N và chị Hồ Thị Đ2 - chị dâu ông Phan N canh tác trồng hoa màu như khoai lang, sắn”*. Ngoài ra, ngày 03-11-2014 Chủ tịch UBND xã T có Báo cáo số 91/BC-UBND nêu rõ: *“Thửa đất số 298 tờ bản đồ số 24 là một phần diện tích thửa đất 298/70714m² thuộc loại đất lâu năm khác, diện tích nói trên nguyên là của ông Phan X canh tác”*; Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 06-4-2015 của Chủ tịch UBND xã T nhằm trao đổi, hội ý với lãnh đạo thôn P, Chi hội người cao tuổi thôn P để có sự thống nhất trả lời ông N và báo cáo lãnh đạo huyện; Trình bày của ông Võ T2 - Chủ tịch UBND xã T: *“Lời trình bày của ông Võ T2 theo kết quả đo đạc thực tế diện tích ông Phan N yêu cầu công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6609,5 m² vị trí sử dụng diện tích này có liên quan đến một phần diện tích thửa đất số 298, 624, 625 thuộc tờ bản đồ số 24 xã T là đất của ông Phan X có trước năm 1984, bà Hồ Thị Đ2, chị dâu ông Phan N có làm nhà trên diện tích này trong một thời gian”*; Các bản tự khai của những người làm chứng có chứng thực của UBND xã T cũng nói lên sự thật về đất của cụ Phan X khi qua đời để lại cho các con.

Năm 2000 ông Phan Minh Q chết, không để lại giấy tờ gì về việc bàn giao các thửa đất số 298, 624 của ông Phan X để lại cho chính quyền địa phương. Bà Phan Thị Nh (cháu ông N) đã lấy đất lại từ Chi hội người cao tuổi thôn P vào cuối tháng 11/2016 và trồng keo cho đến nay. Như vậy, ông N có đủ căn cứ để khẳng định diện tích 6.609,5m² thuộc thửa đất 298, 624 cùng tờ bản đồ số 24 xã T là đất của cha ông N để lại khi qua đời. Đây là đất anh em ông N được hưởng quyền thừa kế. Do đó, Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S giải quyết bác toàn bộ đơn khiếu nại của ông Phan N là vi phạm pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N. Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan N.

Ý kiến của Chủ tịch UBND huyện S:

Qua kết quả kiểm tra, xác minh về vị trí, diện tích đất mà ông Phan N khiếu nại thể hiện:

Theo hồ sơ 299/TTg, thuộc một phần thửa đất số 471, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.240m² xã T, loại đất hoang đồi núi, chủ sử dụng: Đất chưa phân phối sử dụng; Theo Nghị định 64/CP, thửa đất số 471 nêu trên biến động thành thửa số 298, diện tích 70.741m², tờ bản đồ số 24, xã T, loại đất LNK do UBND xã T quản lý. Theo đo đạc thực tế, diện tích đất này thuộc một phần thửa đất số 298 diện tích 5.564,5m² và một phần thửa đất số 624 diện tích 1.045m² cùng tờ bản đồ số 24 xã T.

Đất này nguyên là đất nông nghiệp có nguồn gốc của ông Phan X canh tác trước năm 1966, từ năm 1966 -1975 bỏ trống, năm 1975 ông Phan Minh Q sử dụng trồng lang, mì. Sau khi HTXNN thôn P được thành lập vào năm 1981 thì phần đất này ông Phan Minh Q đã đưa vào HTXNN thôn P để làm ăn tập thể. Đến năm 1985 HTXNN thôn P giao diện tích đất này cho Chi hội người cao tuổi thôn P sử dụng cho đến nay. Tại thời điểm giao đất, ông Phan Minh Q là Chủ nhiệm HTXNN thôn P đã thực hiện việc giao đất. Kể từ thời điểm đó, ông Phan Minh Q cũng như thân nhân của ông Phan X không sử dụng, không đăng ký, kê khai và cũng không tranh chấp diện tích đất khiếu nại. Khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ thì hộ ông Phan Minh Q đã được cân đối giao đủ diện tích đất theo đề án giao đất của xã, trong các thửa đất giao cho ông Q không liên quan đến đất ông N khiếu nại.

Ông Phan N khiếu nại cho rằng cán bộ UBND xã T thời kỳ trước đã thu hồi đất của gia đình ông trái thẩm quyền là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì hành vi khiếu nại của ông N không có trên thực tế, cán bộ UBND xã không thu hồi phần diện tích đất ông N khiếu nại. Diện tích đất này đã đưa vào HTXNN thôn P để làm ăn tập thể và HTXNN thôn P đã giao cho Chi hội người cao tuổi thôn P sử dụng từ đó cho đến nay. Do đó, ông N yêu cầu thu hồi, trả lại phần đất này là không có căn cứ pháp lý.

Đối với việc ông Phan N yêu cầu công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên khi ông N và thân nhân ông Phan X không sử dụng đất, không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất là không đủ điều kiện để được công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S bác khiếu nại của ông Phan N là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện UBND xã T:

Về hồ sơ địa chính và đo đạc thực tế thửa đất: Thống nhất với ý kiến của Chủ tịch UBND huyện S.

Quá trình sử dụng đất: Một phần diện tích thửa đất số 298, diện tích 70.714m², loại đất LNK, tờ bản đồ số 24 xã T nguyên là của ông Phan X (cha ông Phan N) canh tác. Sau khi ông Phan X chết, thửa đất này do ông Phan Minh Q (em trai ông Phan N) và bà Hồ Thị Đ2 (chị dâu ông N) tiếp tục quản lý, sử dụng để canh tác trồng khoai lang, mì. Đến năm 1985, Hội Bảo thọ thôn P (nay là Chi hội người cao tuổi thôn P) có đơn xin đất để trồng cây bạch đàn gây quỹ cho Hội và được sự thống nhất của Chi bộ thôn P. Tại thời điểm này, ông Phan Minh Q làm Phó Bí thư Chi bộ - Chủ nhiệm HTXNN thôn P đã đồng ý giao diện tích đất này cho Hội người cao tuổi thôn P trồng cây bạch đàn gây quỹ cho Hội, được ông Nguyễn Quang B - Chủ tịch UBND xã T thời điểm đó đồng ý. Như vậy, Chi Hội người cao tuổi thôn P đã quản lý, sử dụng diện tích đất này ổn định, liên tục từ năm 1985 đến nay không ai tranh chấp. Hiện nay trên diện tích đất 6.609,5m² Chi hội người cao tuổi thôn P đang trồng cây keo và bà Phan Thị Nh (cháu ruột ông Phan N) chiếm dụng trồng cây keo một diện tích là 5.385m². UBND xã T đã lập biên bản và đã ra thông báo đình chỉ sử dụng đất đối với bà Phan Thị Nh, nhưng bà Nh không chấp hành. Việc ông Phan N yêu cầu hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Hội người cao tuổi xã T: Ông Nguyễn Tấn D - Chủ tịch Hội người cao tuổi xã T thống nhất với ý kiến của đại diện UBND xã T.

Ý kiến của bà Phan Thị Nh: Thống nhất với ý kiến của người khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan N.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013 ; Luật khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan N yêu cầu hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan N.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 14/11/2019, ngày 22/11/2019 và ngày 19/12/2019 ông Phan N có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người bị kiện không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Phan N yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S tỉnh Quảng Ngãi, thì thấy:

[1.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan N là đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và Luật khiếu nại năm 2011.

[1.2]. Về nguồn gốc đất: Theo hồ sơ 299/TTg, thửa đất bị khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 471, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.240 m² tại xã T huyện S, loại đất hoang đồi núi; Chủ sử dụng: Đất chưa phân phối sử dụng.

Theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất số 471, tờ bản đồ số 7 xã T biến động thành thửa số 298, diện tích 70.741 m², tờ bản đồ số 24, xã T, loại đất LNK do UBND xã T quản lý.

Theo đo đạc thực tế, phần diện tích đất bị khiếu nại có diện tích 6.609,5m², trong đó có 1.045m² đất thuộc thửa 624 và 5.564,5m² đất thuộc thửa 298, cùng tờ bản đồ số 24, xã T.

[1.3]. Quá trình quản lý, sử dụng đất: ông Phan X (là cha ông Phan N) là người canh tác, sử dụng đất này trước năm 1975. Sau khi ông Phan X chết, ông Phan Minh Q (em trai ông Phan N) tiếp tục quản lý, sử dụng trồng khoai lang, khoai mì.

Năm 1981, Hợp tác xã Nông nghiệp (sau đây viết tắt là HTXNN) thôn P được thành lập, diện tích đất này ông Phan Minh Q - Nguyên Chủ nhiệm HTXNN thôn P đã đưa vào HTXNN thôn P để làm ăn tập thể.

Đến năm 1985 HTXNN thôn P giao diện tích đất này cho Hội Bảo thọ thôn P (nay là Chi Hội người cao tuổi thôn P) sử dụng.

Từ thời điểm đó, gia đình ông Phan X và ông Phan Minh Q không còn sử dụng, không đăng ký, kê khai và cũng không tranh chấp quyền sử dụng thửa đất bị khiếu nại. Diện tích đất khiếu nại do UBND xã T quản lý, Chi Hội người cao tuổi thôn P là người sử dụng trồng cây keo, cây bạch đàn để gây quỹ cho Hội.

Như vậy, ông Phan N khiếu nại hành vi giao đất của UBND xã T cho Chi Hội người cao tuổi thôn P sử dụng là không có căn cứ và yêu cầu UBND huyện S công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên là không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S tỉnh Quảng Ngãi giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Phan N là có căn cứ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện ông Phan N về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S tỉnh Quảng Ngãi là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo ông Phan N không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới, khác để làm căn cứ thay đổi các nội dung của quyết định trên nên. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phan N, giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị này là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan N là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm (được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án).

[4]. Các quyết định khác còn lại của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phan N. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan N về yêu cầu hủy Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 11-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Phan N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 20/7/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long